

SỞ GD&ĐT LÀO CAI
CỤM LIÊN TRƯỜNG THPT
PHÍA BẮC TỈNH LÀO CAI
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

uigeli.xyz
ĐỀ THI THỬ TN THPT LẦN 2 NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề

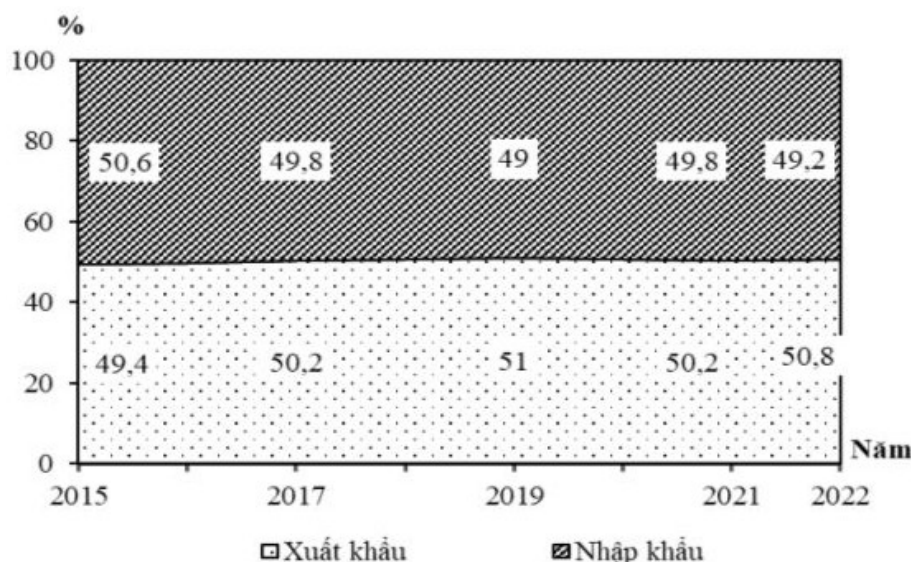
Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 0701

PHẦN 1: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án

Câu 1. Nhân tố nào sau đây thúc đẩy việc nâng cao chất lượng dịch vụ mà mở rộng loại hình dịch vụ?

- A. Thị trường. B. Vị trí địa lí. C. Lao động. D. Ngành kinh tế.

Câu 2. Cho biểu đồ:



Biểu đồ cơ cấu trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2015 – 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Từ năm 2017 nước ta liên tục là nước xuất siêu.
B. Nước ta liên tục là nước nhập siêu.
C. Năm 2019, trị giá nhập siêu lớn nhất.
D. Năm 2019, trị giá xuất siêu lớn nhất.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây khiến cơ cấu công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm của nước ta đa dạng?

- A. Nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất. B. Cơ sở vật chất kĩ thuật được nâng cấp.
C. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú. D. Có nguồn lao động được nâng cao tay nghề.

Câu 4. Vùng nào sau đây có nhiều điều kiện thuận lợi nhất để nuôi trồng thủy sản?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Nam Trung Bộ.
C. Trung du miền núi phía Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 5. Nhận định nào sau đây không đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Khả năng tiếp thu nhanh các tiên bộ về khoa học kĩ thuật.
B. Trình độ khoa học kĩ thuật ngày càng được nâng cao.
C. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp.
D. Có tính cần cù, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

Câu 6. Ngành trồng cây lương thực có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nước ta vì

- A. điều kiện tự nhiên thuận lợi. B. thiên tai thường xuyên xảy ra.
C. quy mô dân số nước ta đông. D. thị trường xuất khẩu mở rộng.

Câu 7. Du lịch của Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh dựa trên lợi thế chủ yếu nào sau đây?

- A. Các thắng cảnh và truyền thống văn hóa. B. Di sản thế giới và tài nguyên nhân văn.
C. Vị trí thuận lợi và các lễ hội truyền thống. D. Di tích quốc gia và tài nguyên tự nhiên.

Câu 8. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta không diễn ra theo xu hướng nào sau đây?

- A. Đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với thị trường.
- B. Ứng dụng khoa học - công nghệ và sáng tạo.
- C. Tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao.
- D. Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp chế biến.

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng tự nhiên nước ta suy giảm nhanh là

- A. chiến tranh.
- B. biến đổi khí hậu.
- C. rừng trồng ít.
- D. khai thác quá mức.

Câu 10. Khoáng sản trên đất liền có giá trị lớn nhất ở Nam Trung Bộ là

- A. bô-xít.
- B. quặng sắt.
- C. quặng đồng.
- D. a-pa-tit.

Câu 11. Than có nhiều ở tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi phía Bắc?

- A. Thái Nguyên.
- B. Cao Bằng.
- C. Lào Cai.
- D. Phú Thọ.

Câu 12. Vị trí địa lí nước ta

- A. ở trung tâm Đông Nam Á.
- B. tiếp giáp với Ấn Độ Dương.
- C. giáp với nhiều quốc gia.
- D. nằm trên vành đai sinh khoáng.

Câu 13. Thế mạnh để phát triển du lịch biển đảo của nước ta là

- A. nguồn lợi sinh vật biển dồi dào.
- B. vùng biển có nhiều khoáng sản.
- C. nhiều bãi tắm rộng, cảnh đẹp.
- D. nhiều vũng biển kín, cửa sông.

Câu 14. Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. có một số nguồn nước khoáng.
- B. có mật độ sông ngòi khá cao.
- C. rừng tự nhiên có diện tích lớn.
- D. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

Câu 15. Mạng lưới sông ngòi ở Đồng bằng sông Cửu Long không có thế mạnh nào sau đây?

- A. Thủy sản.
- B. Giao thông vận tải.
- C. Thủy điện.
- D. Du lịch.

Câu 16. Tính chất của gió mùa mùa hạ là

- A. nóng, ẩm.
- B. lạnh, khô.
- C. lạnh, ẩm.
- D. nóng, khô.

Câu 17. Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có lượng bốc hơi nước cao hơn phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do

- A. vị trí gần xích đạo và tác động của Tín phong bán cầu Bắc.
- B. tiếp giáp Biển Đông và tác động của Tín phong bán cầu Bắc.
- C. nằm trong vùng nội chí tuyến, gió Tây Nam hoạt động mạnh.
- D. không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, lạnh khô rộng.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm phân bố dân cư nước ta?

- A. Mật độ dân số trung bình khá cao.
- B. Không đều giữa thành thị với nông thôn.
- C. Trong một vùng, dân cư phân bố đồng đều.
- D. Không đều giữa đồng bằng với miền núi.

PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a); b); c); d) ở mỗi câu học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ có vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên, gần các ngư trường lớn, có các đảo, bãi tắm và phong cảnh đẹp thuận lợi cho phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

- a) Các ngành kinh tế biển giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.
- b) Hoạt động du lịch biển phát triển quanh năm chủ yếu do khí hậu cận xích đạo, có nhiều bãi biển đẹp, hạ tầng tốt.
- c) Phát triển các ngành kinh tế biển có ý nghĩa chủ yếu là thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ.
- d) Giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là khai thác triệt để các loại tài nguyên phục vụ sản xuất.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính được phát triển và phân bố ở các địa phương có nhiều lợi thế về nguồn lao động, cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư nước ngoài như: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Thái Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai,...

- a) Các khu công nghiệp điện tử tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

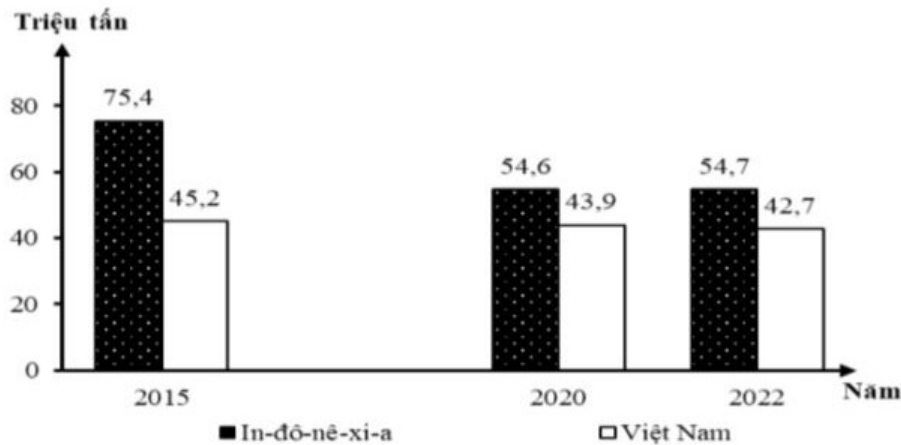
- b) Việc miễn các loại thuế cho doanh nghiệp trong sản xuất sản phẩm điện tử đã giúp nước ta thu hút được vốn đầu tư lớn.
- c) Nguyên nhân chủ yếu các doanh nghiệp điện tử phân bố ở Đồng bằng sông Hồng là có lực lượng lao động đông đúc, có trình độ, thị trường tiêu thụ rộng.
- d) Giải pháp đẩy mạnh ngành công nghiệp điện tử trong thời gian tới là nâng cao trình độ lao động, nhằm sản xuất sản phẩm có chất lượng, giá cao.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông - Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

- a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước.
- b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng tây bắc - đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.
- c) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình hút gió mùa Đông Bắc.
- d) Một số nơi của vùng Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên như vùng ôn đới do ảnh hưởng của địa hình núi cao.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



Sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam giai đoạn 2015 – 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Năm 2022 so với năm 2015, sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a giảm nhiều hơn Việt Nam.
- b) Sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a luôn cao hơn Việt Nam.
- c) Năm 2022 so với năm 2015, sản lượng lúa của Việt Nam giảm hơn 5,5 %.
- d) Năm 2022 so với năm 2015, sản lượng lúa của Việt Nam giảm nhanh hơn In-đô-nê-xi-a.

Phần III: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Năm 2023, ngành vận tải đường biển nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa là 113,4 triệu tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa là 107 915,1 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình năm 2023 của ngành vận tải biển nước ta là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng tại Hà Nội năm 2024

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,4	19,6	22,1	28,3	28,8	30,9	30,4	30,4	29,2	27,6	25,2	19,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2024 là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của °C).

Câu 3. Năm 2024, giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta đạt 108,24 nghìn tỷ đồng. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng chiếm 3,1% giá trị sản xuất công nghiệp. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng năm 2024 đạt bao nhiêu nghìn tỷ đồng? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của nghìn tỷ đồng)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng cây lúa ở nước ta, giai đoạn 2015 – 2024

Năm	2015	2024
Diện tích cây lúa (triệu ha)	7,8	7,1
Sản lượng cây lúa (triệu tấn)	45,1	43,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết năng suất lúa nước ta năm 2024 nhiều hơn năng suất lúa nước ta năm 2015 là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng ở Nam Định và Tam Đường năm 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nam Định	46,3	20,6	83,8	19,6	253	275	526	270,8	831,8	60,6	12,3	3,7
Tam Đường (Lai Châu)	185,2	44,5	69,1	27,7	383,9	541,8	395,4	362,6	164,7	279,2	14,4	21,9

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 lượng mưa của tháng có lượng mưa lớn nhất tại Nam Định lớn hơn tháng có lượng mưa lớn nhất tại Tam Đường (Lai Châu) là bao nhiêu mm? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Năm 2024, số lao động có việc làm của nước ta là 51,9 triệu người. Trong đó, số lao động có việc làm trong khu vực kinh tế Nhà nước là 4,0 triệu người. Hãy cho biết năm 2024, tỷ lệ lao động có việc làm trong khu vực kinh tế Nhà nước chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số lao động có việc làm của nước ta (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

BẢNG ĐÁP THAM KHẢO

Phần I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	A	A	C	A	C	C	B	D	D	A	A	D	C	D	C	A	A	C

Phần II

Câu	a	b	c	d
Câu 1	Đúng	Đúng	Sai	Sai
Câu 2	Đúng	Sai	Sai	Đúng
Câu 3	Đúng	Đúng	Sai	Đúng

Câu	a	b	c	d
		g		
Câu 4	Đúng	Đúng g	Đúng	Sai

Phần III

Câu	Đáp án
Câu 1	952 km
Câu 2	25,9°C
Câu 3	3,4 nghìn tỷ đồng
Câu 4	3,4 tạ/ha
Câu 5	290 mm
Câu 6	7,7%

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I

Câu 1. Đáp án A. Thị trường.

Thị trường quyết định nhu cầu sử dụng dịch vụ. Khi nhu cầu của người dân và doanh nghiệp ngày càng cao, ngành dịch vụ phải nâng cao chất lượng và mở rộng thêm nhiều loại hình để đáp ứng. Vì vậy chọn A.

Câu 2. Đáp án A. Từ năm 2017 nước ta liên tục là nước xuất siêu.

Nhìn biểu đồ: năm 2017 xuất khẩu chiếm 50,2%, nhập khẩu 49,8%; năm 2019 xuất khẩu 51%, nhập khẩu 49%; năm 2021 xuất khẩu 50,2%, nhập khẩu 49,8%; năm 2022 xuất khẩu 50,8%, nhập khẩu 49,2%. Từ năm 2017 đến 2022, tỉ trọng xuất khẩu đều lớn hơn nhập khẩu nên nước ta liên tục xuất siêu. Chọn A.

Câu 3. Đáp án C. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Công nghiệp chế biến thực phẩm phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi. Nước ta có nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng nên cơ cấu sản phẩm chế biến thực phẩm cũng đa dạng. Chọn C.

Câu 4. Đáp án A. Đồng bằng sông Cửu Long.

Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, diện tích mặt nước lớn, vùng biển rộng, khí hậu nóng ẩm, nguồn giống và thức ăn phong phú. Đây là vùng thuận lợi nhất để nuôi trồng thủy sản. Chọn A.

Câu 5. Đáp án C. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp.

Lao động nước ta có truyền thống cần cù, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật khá nhanh. Tuy nhiên, kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp chưa phải là thế mạnh nổi bật. Vì vậy nhận định không đúng là C.

Câu 6. Đáp án C. Quy mô dân số nước ta đông.

Cây lương thực có vai trò quan trọng vì nước ta có dân số đông, nhu cầu lương thực lớn. Ngoài ra, lương thực còn phục vụ chăn nuôi, chế biến và xuất khẩu. Nguyên nhân trực tiếp nhất trong các phương án là C.

Câu 7. Đáp án B. Di sản thế giới và tài nguyên nhân văn.

Đồng bằng sông Hồng có nhiều di sản, di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề, trung tâm văn hóa lâu đời. Đây là thế mạnh rất quan trọng để phát triển du lịch, nhất là du lịch văn hóa. Chọn **B**.

Câu 8. Đáp án D. Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp chế biến.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo hướng hiện đại hóa, tăng sản phẩm có chất lượng cao, ứng dụng khoa học - công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm. Không phải xu hướng là giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến, vì công nghiệp chế biến cần được phát triển. Chọn **D**.

Câu 9. Đáp án D. Khai thác quá mức.

Diện tích rừng tự nhiên suy giảm nhanh chủ yếu do con người khai thác quá mức, chặt phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa hợp lí. Chọn **D**.

Câu 10. Đáp án A. Bô-xít.

Trong các loại khoáng sản đã cho, bô-xít là khoáng sản có giá trị lớn ở khu vực Nam Trung Bộ theo cách phân vùng của đề. Các khoáng sản như a-pa-tit, đồng, sắt chủ yếu gắn với các vùng khác. Chọn **A**.

Câu 11. Đáp án A. Thái Nguyên.

Thái Nguyên là tỉnh có than trong Trung du và miền núi phía Bắc. Lào Cai nổi bật với a-pa-tit, đồng; Cao Bằng có thiếc, mangan; Phú Thọ không nổi bật về than. Chọn **A**.

Câu 12. Đáp án D. Nằm trên vành đai sinh khoáng.

Vị trí địa lí nước ta nằm trên vành đai sinh khoáng châu Á - Thái Bình Dương nên có nhiều loại khoáng sản. Các phương án khác không chính xác bằng. Chọn **D**.

Câu 13. Đáp án C. Nhiều bãi tắm rộng, cảnh đẹp.

Du lịch biển đảo phát triển dựa nhiều vào các bãi tắm đẹp, phong cảnh biển đảo hấp dẫn, khí hậu thuận lợi. Chọn **C**.

Câu 14. Đáp án D. Vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

Bắc Trung Bộ có vùng biển khá rộng, nhiều loài thủy sản, thuận lợi để phát triển khai thác hải sản. Chọn **D**.

Câu 15. Đáp án C. Thủy điện.

Đồng bằng sông Cửu Long có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, thuận lợi cho thủy sản, giao thông vận tải và du lịch. Tuy nhiên địa hình thấp, sông chảy chậm nên không có thể mạnh về thủy điện. Chọn **C**.

Câu 16. Đáp án A. Nóng, ẩm.

Gió mùa mùa hạ ở nước ta chủ yếu mang tính chất nóng, ẩm, gây mưa nhiều cho phần lớn lãnh thổ. Chọn **A**.

Câu 17. Đáp án A. Vị trí gần xích đạo và tác động của Tín phong bán cầu Bắc.

Phần lãnh thổ phía Nam gần xích đạo hơn, nhận được lượng bức xạ lớn hơn, nền nhiệt cao hơn nên lượng bốc hơi nước cao hơn phía Bắc. Chọn **A**.

Câu 18. Đáp án C. Trong một vùng, dân cư phân bố đồng đều.

Dân cư nước ta phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn, thậm chí ngay trong một vùng cũng phân bố không đều. Vì vậy phát biểu sai là **C**.

PHẦN II**Câu 1**

a) Đúng.

Đông Nam Bộ có vùng biển và thềm lục địa rộng, có dầu khí, thủy sản, du lịch biển, giao thông biển. Vì vậy kinh tế biển giữ vai trò quan trọng trong kinh tế vùng.

b) Đúng.

Đông Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, ít chịu ảnh hưởng của mùa đông lạnh. Cùng với bãi biển đẹp và hạ tầng tốt, du lịch biển có điều kiện phát triển quanh năm.

c) Sai.

Phát triển kinh tế biển có ý nghĩa quan trọng đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Tuy nhiên nói ý nghĩa chủ yếu là “sự phân hóa lãnh thổ” là chưa chính xác.

d) Sai.

Không nên “khai thác triệt để” tài nguyên vì dễ gây cạn kiệt, ô nhiễm môi trường. Giải pháp đúng phải là khai thác hợp lý, hiệu quả và bền vững.

Câu 2

a) Đúng.

Công nghiệp điện tử tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai,...

b) Sai.

Ưu đãi thuế có thể giúp thu hút đầu tư, nhưng nói “miễn các loại thuế” là không chính xác. Doanh nghiệp không được miễn toàn bộ mọi loại thuế.

c) Sai.

Đồng bằng sông Hồng có lao động đông, trình độ khá cao, nhưng công nghiệp điện tử phân bố ở đây còn do cơ sở hạ tầng tốt, giao thông thuận lợi, khả năng thu hút đầu tư nước ngoài lớn. Nói nguyên nhân chủ yếu chỉ là lao động và thị trường tiêu thụ rộng là chưa đầy đủ.

d) Đúng.

Muốn phát triển công nghiệp điện tử cần nâng cao trình độ lao động, phát triển công nghệ, tăng khả năng sản xuất sản phẩm có chất lượng và giá trị cao.

Câu 3

a) Đúng.

Vùng núi Đông Bắc chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc nên có mùa đông lạnh nhất nước ta.

b) Đúng.

Tây Bắc có mùa đông ấm hơn Đông Bắc vì các dãy núi hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn có tác dụng chắn gió mùa Đông Bắc.

c) Sai.

Vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ thấp chủ yếu do độ cao địa hình. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm. Không phải do địa hình “hút gió mùa Đông Bắc”.

d) Đúng.

Một số nơi núi cao ở Tây Bắc, nhất là khu vực Hoàng Liên Sơn, có khí hậu mát lạnh, cảnh quan giống vùng ôn đới do ảnh hưởng của độ cao địa hình.

Câu 4

Số liệu:

Năm	2015	2020	2022
In-đô-nê-xi-a	75,4	54,6	54,7
Việt Nam	45,2	43,9	42,7

a) Đúng.

$$75,4 - 54,7 = 20,7$$

In-đô-nê-xi-a giảm từ 75,4 xuống 54,7 triệu tấn, tức giảm 20,7 triệu tấn. Việt Nam giảm từ 45,2 xuống 42,7 triệu tấn, tức giảm 2,5 triệu tấn.

Việt Nam giảm 45,2 xuống 42,7 triệu tấn, tức giảm 2,5 triệu tấn. In-đô-nê-xi-a giảm nhiều hơn Việt Nam.

b) Đúng.

Ở cả ba năm 2015, 2020, 2022, sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a đều cao hơn Việt Nam.

c) Đúng.

$$(45,2 - 42,7) : 45,2 \times 100 = 5,53\%$$

Tỉ lệ giảm của Việt Nam là 5,53%. Như vậy sản lượng lúa của Việt Nam giảm hơn 5,5%.

d) Sai.

$$(75,4 - 54,7) : 75,4 \times 100 \approx 27,5\%$$

Tỉ lệ giảm của In-đô-nê-xi-a là 27,5%. Tỉ lệ giảm của Việt Nam chỉ khoảng 5,5%, nên Việt Nam không giảm nhanh hơn In-đô-nê-xi-a.

PHẦN III

Câu 1

Cự li vận chuyển trung bình được tính bằng công thức: cự li vận chuyển trung bình = khối lượng luân chuyển : khối lượng vận chuyển.

$$107915,1 : 113,4 \approx 951,6$$

Ta có: 951,6 km.

Làm tròn đến hàng đơn vị: **952 km.**

Câu 2

Nhiệt độ trung bình năm được tính bằng trung bình cộng nhiệt độ 12 tháng.

$$(18,4 + 19,6 + 22,1 + 28,3 + 28,8 + 30,9 + 30,4 + 30,4 + 29,2 + 27,6 + 25,2 + 19,6) : 12 = 25,875^\circ C$$

Ta có:

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **25,9°C.**

Câu 3

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng = tổng giá trị sản xuất công nghiệp $\times$ tỉ trọng ngành khai khoáng.

$$108,24 \times 3,1 : 100 = 3,35544$$

Ta có: nghìn tỷ đồng.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **3,4 nghìn tỷ đồng.**

Câu 4

Năng suất lúa được tính bằng công thức: năng suất = sản lượng : diện tích.

Vì đơn vị cần tính là tạ/ha, ta đổi: $\frac{1}{10}$ tấn/ha = tạ/ha.

$$45,1 : 7,8 \times 10 \approx 57,8$$

Năm 2015: tạ/ha.

$$43,5 : 7,1 \times 10 \approx 61,3$$

Năm 2024: tạ/ha.

$$61,27 - 57,82 \approx 3,4$$

Năng suất năm 2024 nhiều hơn năm 2015 là tạ/ha.

Đáp án: **3,4 tạ/ha.**

Câu 5

Tháng có lượng mưa lớn nhất ở Nam Định là tháng 9, đạt 831,8 mm.

Tháng có lượng mưa lớn nhất ở Tam Đường là tháng 6, đạt 541,8 mm.

$$831,8 - 541,8 = 290,0$$

Hiệu số là mm.

Làm tròn đến hàng đơn vị: **290 mm.**

Câu 6

Tỉ lệ lao động có việc làm trong khu vực kinh tế Nhà nước được tính bằng công thức: tỉ lệ = số lao động khu vực Nhà nước : tổng số lao động có việc làm $\times 100$.

$$4,0 : 51,9 \times 100 \approx 7,707\%$$

Ta có: .

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **7,7%.**